TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **Thành phố Hồ Chí Minh**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/LĐ-ST
Ngày: 13/01/2020
V/v tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động giữa ông T với Công ty T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Lan

2. Bà Võ Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 11 năm 2019 và ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2018/TLST-LĐ ngày 03/12/2018 về việc "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 501/2019/QĐXXST- LĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 184/2019/QĐST-HPT ngày 11 tháng 11 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 25/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 195/2019/QĐST-HPT ngày 23 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1957

Địa chỉ: 1012 Bis đường L, phường T, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn Q, sinh năm 1968 theo Giấy ủy quyền số công chứng 04902, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng Công chứng số 7, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 06/3/2018 (Có mặt).

Thường trú: 417/4/1 đường T, phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 16TA15, phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần kinh doanh T

Trụ sở: Lô B59b/II, đường E, Khu công nghiệp V, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Mạnh H, sinh năm 1966 – Chức vụ: Tổng Giám đốc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2018 nộp đến Tòa án ngày 07/5/2018, các đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2018, ngày 31/12/2018 và ngày 28/8/2019, bản tự khai, các ý kiến trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn T do ông Phan Văn Q đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông Võ Văn T làm việc tại Nhà máy Q thuộc Công ty Cổ phần kinh doanh T tại Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Công ty T) từ tháng 06/2006 đến tháng 06/2017, với hợp đồng lao động không xác định thời hạn, mức lương từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2017 là 4.837.500 đồng/tháng, vị trí công việc: Lái xe. Ngày 10/5/2017, Công ty T ban hành Quyết định số 196/QĐ-VP có nội dung sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với ông T kể từ ngày 01/6/2017 với lý do hết tuổi lao động. Đây là quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không phù hợp với khoản 4 Điều 36 của Bộ luật lao động năm 2012. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Công ty T bồi thường theo khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012 và trả tiền trợ cấp thôi việc với tổng số tiền 157.395.980 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi đồng). Theo đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2019 nộp đến Tòa án ngày 03/9/2019, nguyên đơn yêu cầu bị đơn nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết; buộc Công ty Cổ phần kinh doanh T bồi thường theo khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012 cụ thể sau: Thu nhập do không được làm việc với số tháng tạm tính từ tháng 6/2017 đến tháng 5/2020 là 36 tháng trên mức lương là 4.837.000 đồng/tháng (tính tròn) = 174.132.000 đồng; bồi thường hai tháng tiền lương trong hợp đồng theo quy định hiện hành: 4.837.000 đồng x 2 = 9.674.000 đồng; trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế là 21% với số tiền 4.837.000 đồng x 21% x 36 = 36.567.720 đồng; trả tiền trợ cấp thôi việc tính từ tháng 06/2006 đến tháng 12/2008 là 02 năm 07 tháng tính tròn là 03 năm: (4.837.000 đồng x 3) : 2 = 7.255.500 đồng. Tổng số tiền ông Võ Văn T yêu cầu Công ty Cổ phần kinh doanh T bồi thường và trợ cấp thôi việc là: 227.629.220 đồng (hai trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn hai trăm hai mươi đồng), yêu cầu thanh toán một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty Cổ phần kinh doanh T do ông Trịnh Mạnh Hùng đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do cũng không có

văn bản nêu ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Văn T do ông Phan Văn Q đại diện theo ủy quyền rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty T bồi thường cho ông Võ Văn T theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012, gồm: Thu nhập những ngày không được làm việc từ ngày 01/6/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/01/2020 là 4.837.500 đồng x 31 tháng 12 ngày = 152.195.192 đồng; bồi thường hai tháng lương là 9.675.000 đồng; trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế 21% là 31.492.125 đồng; trả tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 7.256.250 đồng. Tổng số tiền ông T yêu cầu Công ty T phải trả là 200.618.567 đồng (hai trăm triệu sáu trăm mười tám nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng), yêu cầu thanh toán một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không có lý do nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Ông Võ Văn T vào làm việc tại Nhà máy Q thuộc Công ty Cổ phần kinh doanh T từ tháng 6/2006 đến tháng 5/2017, với hợp đồng lao động không xác định thời hạn; mức lương 4.837.500 đồng/tháng, vị trí công việc: Lái xe. Ngày 10/5/2017, Công ty ra Quyết định số 196/QĐ-VP với nội dung sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với ông T kể từ ngày 01/6/2017 với lý do hết tuổi lao động. Đây là quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty không phù hợp với khoản 4 Điều 36 của Bộ Luật lao động năm 2012. Nay ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu Công ty T bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông từ ngày 01/6/2017 đến ngày 13/01/2020 là hoàn toàn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ các Điều 32, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 36, 41, 42 và Điều 48 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 73 Luật Bảo hiểm xã hội: Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần kinh doanh T trả cho ông Võ Văn T tiền lương những ngày không được làm việc từ tháng 6/2017 đến ngày 13/01/2020 là 152.195.192 đồng; bồi thường hai tháng lương là 9.675.000 đồng; trả tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 7.256.250 đồng; không chấp nhận yêu cầu trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế 21% với số tiền 31.492.125 đồng; đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn nhận người lao động trở lại làm việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Ông Võ Văn T khởi kiện Công ty Cổ phần kinh doanh T tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động. Đây là tranh chấp về lao động theo quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Thời hiệu khởi kiện vụ án: Ngày 10/5/2017, Công ty Cổ phần kinh doanh T ban hành Quyết định số 196/QĐ-VP với nội dung sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với ông Võ Văn T kể từ ngày 01/6/2017. Đến ngày 07/5/2018, ông T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận 6, do đó việc khởi kiện vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012.

[1.3] Bị đơn Công ty Cổ phần kinh doanh T đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy, Công ty T đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Trong vụ án này, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Ngoài ra, Công ty T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng lao động giữa ông Võ Văn T và Công ty T và sự xác nhận của nguyên đơn thì ông T bắt đầu làm việc tại Nhà máy Q thuộc Công ty Cổ phần kinh doanh T từ tháng 6/2006 với hợp đồng lao động không xác định thời hạn; mức lương 4.837.500 đồng/tháng, vị trí công việc: Lái xe. Ngày 10/5/2017, Công ty ban hành Quyết định số 196/QĐ-VP về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông T kể từ ngày 01/6/2017 với lý do hết tuổi lao động. Theo Điều 36 Bộ luật lao động 2012 quy định các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động:

"… 4. Người lao động đủ điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội và tuổi hưởng lương hưu theo quy định tại Điều 187 của Bộ luật này.

… 10. Người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật này…"

Khoản 1 Điều 187 Bộ luật lao động quy định: "Người lao động đảm bảo điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội được hưởng lương hưu khi nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi…"

[2.2] Như vậy, theo quy định trên thì Công ty T đã ban hành Quyết định số 196/QĐ-VP ngày 10/5/2017 đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Võ Văn T là trái pháp luật được quy định tại Điều 41 Bộ luật lao động. Trường hợp của ông Võ Văn T tuy đã 60 tuổi, thuộc diện người cao tuổi, tuy nhiên ông T chưa đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định. Do đó, theo quy định tại Điều 36 Bộ luật lao động thì Công ty T không thể cho ông T thôi

việc được. Đáng lẽ, ông T là người cao tuổi, Công ty T phải cho ông T đi khám sức khỏe. Sau khi có kết quả, trường hợp ông T đủ sức khỏe thì ông T vẫn tiếp tục làm việc; trường hợp ông T không đủ sức khỏe thì hai bên phải thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên Công ty T phải thực hiện các nghĩa vụ đối với ông Võ Văn T theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động.

Điều 42. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật:

1. Phải nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết và phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động"

[2.3] Nguyên đơn ông Võ Văn T yêu cầu Công ty T trả tiền lương và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày ông T không được làm việc từ ngày 01/6/2017 đến ngày 13/01/2020, bồi thường hai tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động nên chấp nhận. Tuy nhiên, đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn Công ty T phải trả số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế là 4.837.500 đồng x 21% x 31 tháng = 31.492.125 đồng thì Hội đồng xét xử nhận thấy: Trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế là của người lao động và người sử dụng lao động. Do đó, cả ông Võ Văn T và Công ty T phải có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ ngày 01/6/2017 đến ngày 13/01/2020 với mức lương 4.837.500 đồng/tháng tại cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền. Lãi suất chậm nộp bảo hiểm xã hội được áp dụng theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội nên Hội đồng xét xử không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn**.**

[2.4] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Văn T do ông Phan Văn Q đại diện theo ủy quyền rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết và yêu cầu Công ty trả trợ cấp thôi việc từ 06/2006 đến tháng 12/2008. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 42 Bộ luật lao động 2012 *"Trường hợp người lao động không muốn tiếp tục làm việc, thì ngoài khoản tiền bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều này người sử dụng lao động phải trả trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật này"*. Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật lao động 2012 quy định: *"Khi hợp đồng lao động chấm dứt theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 9 và 10 Điều 36 của Bộ luật này thì người lao động có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương".* Do vậy, ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần kinh doanh T trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông T từ ngày 01/6/2006 đến ngày 31/12/2008 với số tiền 7.256.250 đồng là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm:

[3.1] Công ty Cổ phần kinh doanh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là: 169.126.442 đồng x 3% = 5.073.793 đồng (năm triệu không trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng).

[3.2] Ông Võ Văn T không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b, d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 36, 38, 41, 42, 48, 187 và Điều 202 Bộ luật lao động 2012; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Luật Bảo hiểm xã hội 2014; Luật Thi hành án dân sự; Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn T.

1.1 Tuyên bố Quyết định số 196/QĐ-VP ngày 10/5/2017 của Công ty Cổ phần kinh doanh T về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Võ Văn T kể từ ngày 01/6/2017 là trái pháp luật.

1.2 Buộc Công ty Cổ phần kinh doanh T phải trả cho ông Võ Văn T những khoản tiền sau:

- Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/6/2017 đến ngày 13/01/2020 là 152.195.192 đồng (một trăm năm mươi hai triệu một trăm chín mươi lăm nghìn một trăm chín mươi hai đồng).

- Bồi thường hai tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 9.675.000 đồng (chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Trả tiền trợ cấp thôi việc từ ngày 01/6/2006 đến ngày 31/12/2008 với số tiền 7.256.250 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Tổng số tiền Công ty Cổ phần kinh doanh T phải trả cho ông Võ Văn T là 169.126.442 đồng (một trăm sáu mươi chín triệu một trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng).

1.3 Thời gian thanh toán: Công ty Cổ phần kinh doanh T phải trả số tiền trên cho ông Võ Văn T một lần kể khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.4 Kể từ ngày ông Võ Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần kinh doanh T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu trên thì Công ty Cổ phần kinh doanh T còn phải trả cho ông T khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T buộc Công ty Cổ phần kinh doanh T phải trả cho ông T số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bằng số tiền 31.492.125 đồng (ba mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn một trăm hai mươi lăm đồng)**.**

3. Công ty Cổ phần kinh doanh T và ông Võ Văn T cùng có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày ông Võ Văn T không được làm việc từ ngày 01/6/2017 đến ngày 13/01/2020 với mức lương 4.837.500 đồng/tháng tại cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền.

3.1 Lãi suất chậm nộp bảo hiểm xã hội được áp dụng theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

3.2 Công ty Cổ phần kinh doanh T có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông Võ Văn T từ tháng 6/2017 đến ngày 13/01/2019 theo quy định của pháp luật lao động.

3.3 Thời gian thi hành: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T buộc Công ty Cổ phần kinh doanh T nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết.

5. Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động giữa Công ty Cổ phần kinh doanh T và ông Võ Văn T kể từ ngày 13/01/2020.

6. Về án phí lao động sơ thẩm:

6.1 Công ty Cổ phần kinh doanh T phải nộp 5.073.793 đồng (năm triệu không trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng) án phí lao động sơ thẩm.

6.2 Ông Võ Văn T không phải nộp án phí lao động sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Ông Võ Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần kinh doanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Trúc